

Essential Grammar in Use

WITH ANSWERS

*Văn Phạm Anh Văn
Thực Hành*

*A self-study
reference and practice
book for elementary
students of English*

**Giới thiệu :
Bùi Thị Ngọc Lan**

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Essential Grammar
in Use

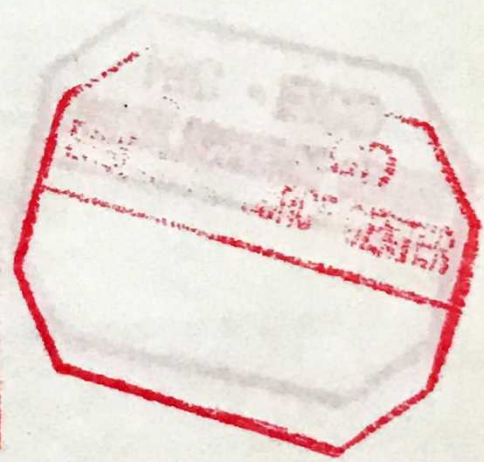
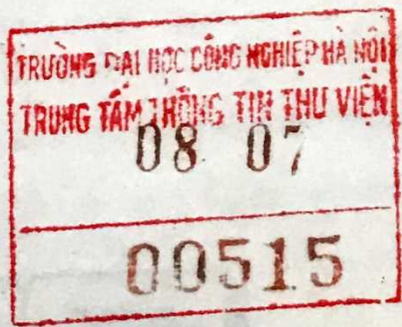
A self-study reference and practice book
for English

**Essential
Grammar
In Use**

Raymond Murphy

WITH ANSWER

Raymond Murphy



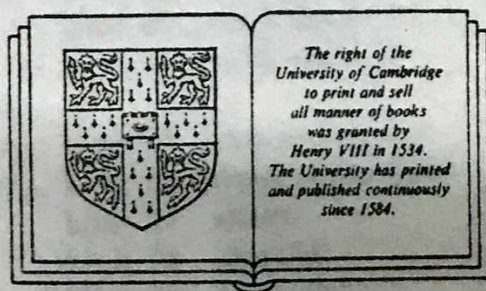
Cambridge University Press
Cambridge
New York
Melbourne

Essential Grammar in Use

A self-study reference and practice book
for elementary students of English

WITH ANSWERS

Raymond Murphy



Cambridge University Press
Cambridge
New York Port Chester
Melbourne Sydney

Contents

To the student (working without a teacher) viii

To the teacher ix

Thanks 1

Unit 1 **am/is/are**

Unit 2 **am/is/are** (questions)

Unit 3 **I am doing** (present continuous)

Unit 4 **Are you -ing?** (present continuous questions)

Unit 5 **I do/work/like** etc. (present simple)

Unit 6 **I don't ...** (present simple negative)

Unit 7 **Do you ...?** (present simple questions)

Unit 8 **I am doing** (present continuous) and **I do** (present simple)

Unit 9 **I watched/cleaned/went** etc. (past simple)

Unit 10 **I didn't ... Did you ...?** (past simple negative and questions)

Unit 11 **was/were**

Unit 12 **I was doing** (past continuous)

Unit 13 **I was doing** (past continuous) and **I did** (past simple)

Unit 14 **have/has (got)**

Unit 15 **I have done** (present perfect 1)

Unit 16 **Have you ever ...?** (present perfect 2)

Unit 17 **How long have you ...?** (present perfect 3)

Unit 18 **for since ago**

Unit 19 **I have done** (present perfect) and **I did** (past simple)

Unit 20 **it is done / it was done** (passive)

Unit 21 **What are you doing tomorrow?** (present for the future)

Unit 22 **I'm going to ...**

Unit 23 **will/shall** (1)

Unit 24 **will/shall** (2)

Unit 25 **can and could**

Unit 26 **may and might**

Unit 27 **must**

Unit 28 **should**

Unit 29 **have to ...**

Unit 30 **Would you like ...?**

Unit 31 **there is there are**

Unit 32 **there was / were / has been / will be**

Unit 33 **it ...**

Unit 34	go/going work/working play/playing etc.
Unit 35	be/have/do in present and past tenses
Unit 36	Regular and irregular verbs
Unit 37	I am / I don't etc.
Unit 38	Have you? / Are you? / Don't you? etc.
Unit 39	too / either so am I / neither do I etc.
Unit 40	Negatives: isn't/haven't/don't etc.
Unit 41	Questions (1): is it ...? have you ...? do they ...? etc.
Unit 42	Questions (2): Who saw you? Who did you see?
Unit 43	Questions (3): Who is she talking to? What is it like?
Unit 44	What ...? Which ...? How ...?
Unit 45	How long does it take?
Unit 46	Can you tell me where ...? Do you know what ...? etc.
Unit 47	to ... (I want to do) and -ing (I enjoy doing)
Unit 48	I want you to ... / I told you to ...
Unit 49	He said that ... / He told me that ...
Unit 50	I went to the shop to buy ...
Unit 51	get
Unit 52	go
Unit 53	I/me he/him they/them etc.
Unit 54	my/his/their etc.
Unit 55	Whose is this? It's mine
Unit 56	I/me/my/mine
Unit 57	myself/yourself/himself etc.
Unit 58	-s (Ann's camera / my brother's car etc.)
Unit 59	a/an
Unit 60	fewer/flowers (singular and plural)
Unit 61	a car / some money (countable/uncountable 1)
Unit 62	a car / some money (countable/uncountable 2)
Unit 63	a/an and the
Unit 64	the
Unit 65	go home / go to work / go to the cinema
Unit 66	I like music I hate examinations
Unit 67	the (names of places)
Unit 68	this/that/these/those
Unit 69	one/ones
Unit 70	some any
Unit 71	not + any no none
Unit 72	not + anybody/anyone/anything nobody/no-one/nothing
Unit 73	some-/any-/no-/ + -body/-one/-thing/-where
Unit 74	every everybody/everything etc.
Unit 75	all most some no/none any
Unit 76	both either neither
Unit 77	a lot much many
Unit 78	(a) little (a) few

Unit 79	big/tired/beautiful etc. (<i>adjectives</i>)	
Unit 80	quickly/badly/suddenly etc. (<i>adverbs</i>)	
Unit 81	old/older expensive/more expensive	
Unit 82	older than ... more expensive than ...	
Unit 83	not as ... as	
Unit 84	the oldest the most expensive	
Unit 85	enough	
Unit 86	too	
Unit 87	<i>Word order (1)</i>	
Unit 88	<i>Word order (2)</i>	
Unit 89	still yet	
Unit 90	Give me that book! Give it to me!	
Unit 91	at 10.30 on Monday in April	
Unit 92	from ... to until since for	
Unit 93	before after during while	
Unit 94	in at (<i>places</i>)	
Unit 95	to in at (<i>places</i>)	
Unit 96	on under behind etc. (<i>prepositions</i>)	
Unit 97	up over through etc. (<i>prepositions</i>)	
Unit 98	at by with/without about (<i>prepositions</i>)	
Unit 99	afraid of on holiday etc. (<i>word + preposition</i>)	
Unit 100	look at ... listen to ... etc. (<i>verb + preposition</i>)	
Unit 101	go in fall off run away etc. (<i>phrasal verbs 1</i>)	
Unit 102	put on your shoes put your shoes on (<i>phrasal verbs 2</i>)	
Unit 103	and but or so because	
Unit 104	When ...	
Unit 105	If ...	
Unit 106	a person who ... a thing that/which ... (<i>relative clauses 1</i>)	
Unit 107	the people we met the hotel you stayed at (<i>relative clauses 2</i>)	
Appendix 1	List of irregular verbs	216
Appendix 2	Irregular verbs in groups	217
Appendix 3	Short forms (he's/I'd/don't etc.)	218
Appendix 4	Spelling	220
Appendix 5	Phrasal verbs (look out / take off etc.)	222
Appendix 6	Phrasal verbs + object (ring up my friend / put out a fire etc.)	223
Key		224
Index		254

LỜI DẶN HỌC VIÊN

Đây là bộ ngữ pháp dành cho học viên tiếng Anh trình độ sơ cấp. Trong sách có 107 bài học và mỗi bài học nói về chủ điểm riêng biệt trong ngữ pháp tiếng Anh.

Đừng học bài theo thứ tự từ đầu đến cuối. Nên chọn những bài mà bạn cần học (Chẳng hạn như nếu bạn gặp khó khăn với thì hiện tại hoàn thành have done, have been...), hãy xem bảng Mục lục để tìm những bài mà bạn cần phải học (Bài 15 — 19)

Hãy dùng bộ sách như thế này:

1. Xem bảng mục lục để tìm những bài cần học.
2. Học phần giải thích.
3. Làm các bài tập tiếp theo.
4. Dùng đáp án để kiểm tra các câu trả lời.
5. Xem lại phần giải thích nếu cần.

Đừng quên sáu phụ lục cuối sách. Những phụ lục này sẽ cung cấp cho các bạn các thông tin về động từ bất qui tắc, các dạng rút gọn, chính tả và các động từ kép.

NXB. ĐỒNG NAI